

Bản án số 46/2018/HNGĐ- ST
Ngày 16/5/2018
*V/v: Tranh chấp về thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau ly hôn giữa
chị T với anh N.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC N, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hà Bắc;
2. Ông Nguyễn Hữu Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Công Định- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 499/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn giữa chị T với anh N*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXX- ST ngày 27 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị Trăm, sinh năm 1984
Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang.
(Có mặt)
2. *Bị đơn:* Anh Giáp Văn N, sinh năm 1982
Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Trịnh Thị T bày: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 179/2016/QĐST- HNGĐ ngày 21/7/2016, Tòa án nhân dân huyện Lục N đã giao con chung của chị và anh N là cháu Giáp Thị Diệu L, sinh năm 2006 cho anh N nuôi dưỡng. Nhưng từ đó đến nay cháu L vẫn ở cùng với chị do chị nuôi dưỡng, anh N không có quan tâm gì. Vì vậy, chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con. Chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Chị đang làm công nhân tại công ty FuHong, khu công nghiệp Vân Trung, tỉnh Bắc Giang, thu nhập 8.000.000đ/tháng, chị có nhà, đất nên đủ điều kiện để chị nuôi con. Chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, chị Trịnh Thị Vẫn giữ nguyên ý kiến trên.

Tại bản tự khai và lời khai tiếp theo, bị đơn anh Giáp Văn N trình bày: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 179/2016/QĐST- HNGĐ ngày 21/7/2016, Tòa án nhân dân huyện Lục N đã giao cháu Giáp Thị Diệu L cho anh nuôi, nhưng trên thực tế cháu L vẫn ở với chị Trăm. Anh đã nhiều lần đến đón cháu L về ở với anh nhưng chị Tkhông cho đón. Nay chị Tyêu cầu được nuôi cháu L anh không đồng ý, vì với mức thu nhập của chị Tkhông đủ điều kiện để nuôi con.

Tại phiên tòa, anh Giáp Văn N vắng mặt

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu cháu Giáp Thị Diệu L cho chị Tnuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về việc nuôi con chung: Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 179/2016/QĐST- HNGĐ ngày 21/7/2016, Tòa án đã giao cho chị Trịnh Thị Trăm, anh Giáp Văn N mỗi người nuôi một con. Anh N nuôi con là Giáp Thị Diệu L, sinh ngày 23/12/2006, chị Tnuôi con là Giáp Thị Mai H, sinh ngày 12/12/2010, nhưng trên thực tế cả hai con từ trước đến nay đều do chị Tnuôi dưỡng, phát triển bình thường. Xét cả anh N và chị Tđều có điều kiện để nuôi con, nhưng để tránh xáo trộn về cuộc sống, ảnh hưởng đến tâm lý của cháu L, yêu cầu của chị Tlà có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của cháu L nên yêu cầu của chị Tcần được chấp nhận. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[2]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Trước khi thụ lý vụ án chị Trịnh Thị Tcó đơn xác nhận thuộc hộ gia đình cận nghèo nên chị được miễn nộp tiền tạm ứng án phí. Tại phiên tòa, chị Txác nhận đó là do có sự nhầm lẫn của những năm trước nên chị Tphải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về việc nuôi con chung*: Giao cho chị Trịnh Thị Tnuôi con Giáp Thị Diệu L, sinh ngày 23/12/2006. Anh Giáp Văn N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

2. *Về án phí*: Chị Trịnh Thị Tphải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. *Về kháng cáo*: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huân

Bản án số 46/2018/HNGĐ- ST
Ngày 16/5/2018
*V/v: Tranh chấp về thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau ly hôn giữa
chị T với anh N.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC N, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hà Bắc;
2. Ông Nguyễn Hữu Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Công Định- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 499/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn giữa chị T với anh N*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXX- ST ngày 27 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị Trăm, sinh năm 1984
Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang.
(Có mặt)
2. *Bị đơn:* Anh Giáp Văn N, sinh năm 1982
Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Trịnh Thị T bày: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 179/2016/QĐST- HNGĐ ngày 21/7/2016, Tòa án nhân dân huyện Lục N đã giao con chung của chị và anh N là cháu Giáp Thị Diệu L, sinh năm 2006 cho anh N nuôi dưỡng. Nhưng từ đó đến nay cháu L vẫn ở cùng với chị do chị nuôi dưỡng, anh N không có quan tâm gì. Vì vậy, chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con. Chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Chị đang làm công nhân tại công ty FuHong, khu công nghiệp Vân Trung, tỉnh Bắc Giang, thu nhập 8.000.000đ/tháng, chị có nhà, đất nên đủ điều kiện để chị nuôi con. Chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, chị Trịnh Thị Vẫn giữ nguyên ý kiến trên.

Tại bản tự khai và lời khai tiếp theo, bị đơn anh Giáp Văn N trình bày: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 179/2016/QĐST- HNGĐ ngày 21/7/2016, Tòa án nhân dân huyện Lục N đã giao cháu Giáp Thị Diệu L cho anh nuôi, nhưng trên thực tế cháu L vẫn ở với chị Trăm. Anh đã nhiều lần đến đón cháu L về ở với anh nhưng chị Tkhông cho đón. Nay chị Tyêu cầu được nuôi cháu L anh không đồng ý, vì với mức thu nhập của chị Tkhông đủ điều kiện để nuôi con.

Tại phiên tòa, anh Giáp Văn N vắng mặt

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu cháu Giáp Thị Diệu L cho chị Tnuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về việc nuôi con chung: Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 179/2016/QĐST- HNGĐ ngày 21/7/2016, Tòa án đã giao cho chị Trịnh Thị Trăm, anh Giáp Văn N mỗi người nuôi một con. Anh N nuôi con là Giáp Thị Diệu L, sinh ngày 23/12/2006, chị Tnuôi con là Giáp Thị Mai H, sinh ngày 12/12/2010, nhưng trên thực tế cả hai con từ trước đến nay đều do chị Tnuôi dưỡng, phát triển bình thường. Xét cả anh N và chị Tđều có điều kiện để nuôi con, nhưng để tránh xáo trộn về cuộc sống, ảnh hưởng đến tâm lý của cháu L, yêu cầu của chị Tlà có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của cháu L nên yêu cầu của chị Tcần được chấp nhận. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[2]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Trước khi thụ lý vụ án chị Trịnh Thị Tcó đơn xác nhận thuộc hộ gia đình cận nghèo nên chị được miễn nộp tiền tạm ứng án phí. Tại phiên tòa, chị Txác nhận đó là do có sự nhầm lẫn của những năm trước nên chị Tphải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về việc nuôi con chung*: Giao cho chị Trịnh Thị Tnuôi con Giáp Thị Diệu L, sinh ngày 23/12/2006. Anh Giáp Văn N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

2. *Về án phí*: Chị Trịnh Thị Tphải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. *Về kháng cáo*: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Ủy ban nhân xã S;
- Lưu hồ sơ, v/p.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huân